

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /7/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại khu nhà xưởng sản xuất và khu nhà ăn.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực rửa tay chân, nước thoát sàn (khu nhà xưởng sản xuất và khu nhà ăn).

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình vệ sinh bể hấp thụ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (phát sinh không thường xuyên).

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh CB21 phía Đông Bắc dự án.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả vào kênh CB21 phía Đông Bắc dự án tại xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2237305.29$ ;  $Y(m) = 574609.12$  (theo hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiều  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ 03 nguồn sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép chảy qua hố ga trước khi xả thải ra kênh CB21 phía Đông Bắc dự án theo phương thức tự chảy.

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải

Xả thải liên tục  $24\text{h}/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với giá trị tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức  $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$  (Áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ; đối với các thông số: pH, Coliform thì  $C_{\max} = C$ ), cụ thể như sau:

Bảng: Giới hạn giá trị thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			Giá trị C	Giá trị C <sub>max</sub>		
01	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9	02 lần/năm theo đề nghị và cam kết của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
02	COD	mg/l	150	148,5		
03	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50	49,5		
04	TSS	mg/l	100	99		
05	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	9,9		
06	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	0,5	0,495		
07	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	9,9		
08	Clo dư	mg/l	2,0	1,98		
09	Tổng N (tính theo N)	mg/l	40	39,6		
10	Tổng P (tính theo P)	mg/l	6,0	5,94		
11	Tổng phenol	mg/l	0,5	0,495		
12	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà xưởng sản xuất, khu nhà ăn,... được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước rửa tay thoát sàn, nước vệ sinh bể hấp thụ hệ thống xử lý khí thải lò hơi sau đó được thu gom bằng đường ống PVC D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải

+ Hệ thống bể tự hoại thiết kế 03 ngăn: 08 bể tự hoại bao gồm: Khu nhà điều hành (01 bể thể tích 12 m<sup>3</sup>), khu xưởng sản xuất (04 bể thể tích 40 m<sup>3</sup>/bể), khu bếp + nhà ăn (01 bể thể tích 15 m<sup>3</sup>), khu nhà tuyển dụng (01 bể thể tích 10 m<sup>3</sup>) và nhà bảo vệ (01 bể thể tích 03 m<sup>3</sup>).

+ Bể tách dầu mỡ với thể tích 14,5 m<sup>3</sup>.

- Công suất thiết kế: 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm như sau: Nước thải → Bể gom → Bể điều hoà → Bể Anoxic (thiếu khí) → Bể Aerotank (hiếu khí) → Bể lắng → Bể trung gian → Cụm lọc → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (B)) → Kênh CB21 phía Đông Bắc dự án.

- Hóa chất sử dụng: Clorin với khối lượng 44 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Chủ dự án bố trí cán bộ phụ trách môi trường của dự án đồng thời theo dõi và thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường của dự án.

- Khi có sự cố xảy ra đối với nước thải, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp: Cử cán bộ tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố; xem xét lại biện pháp xử lý nước thải, tính toán lại lượng chế phẩm sinh học hoặc hóa chất sử dụng để tăng hiệu quả xử lý, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho thải ra ngoài môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (Dự kiến từ ngày 01/6/2025 đến hết ngày 30/11/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải.

- 01 mẫu tại hồ ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy ra kênh CB21 phía Đông Bắc dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu đầu vào tại bể gom và ít nhất 01 mẫu đầu ra tại hồ ga cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi chảy ra kênh CB21 phía Đông Bắc dự án) trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Trục Ninh trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra kênh CB21 phía Đông Bắc dự án. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

#### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sau xử lý, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Trục Ninh, UBND xã Trục Mỹ để kịp thời xử lý./.